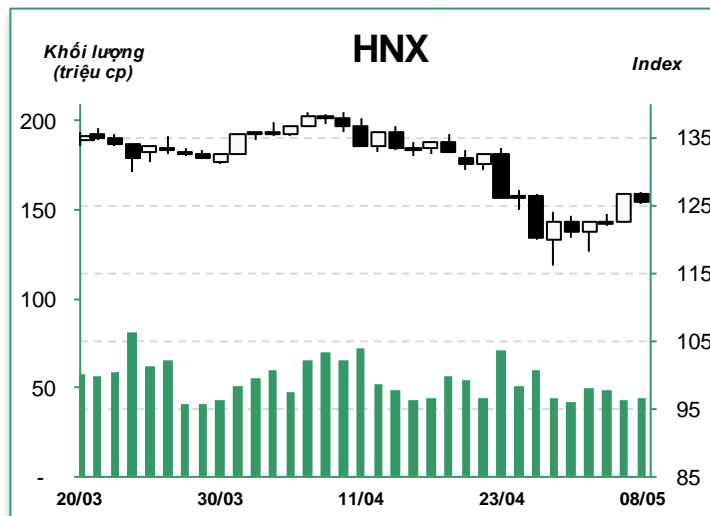
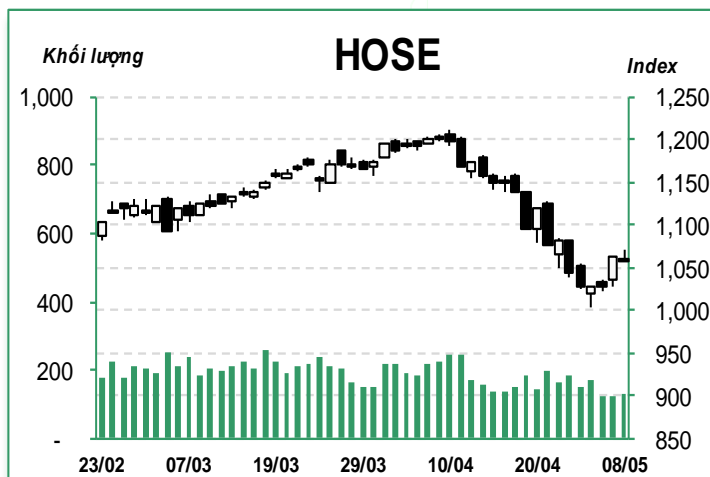


Tổng quan thị trường

| 8/5/2018 | HOSE | | VN30 | | HNX | |
|-----------------------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|---------------|
| | Giá trị | Thay đổi % | Giá trị | Thay đổi % | Giá trị | Thay đổi % |
| Giá trị đóng cửa | 1,060.45 | -0.17% | 1,047.83 | -0.02% | 125.33 | -0.96% |
| Cuối tuần trước | 1,026.80 | 3.28% | 1,010.89 | 3.65% | 122.57 | 2.25% |
| Trung bình 20 ngày | 1,110.61 | -4.52% | 1,087.54 | -3.65% | 129.62 | -3.31% |
| Tổng KLGD (triệu cp) | 170.04 | 9.61% | 76.28 | 16.70% | 51.97 | -5.73% |
| KLGD khớp lệnh | 131.15 | 7.38% | 53.71 | 2.66% | 44.05 | 2.19% |
| Trung bình 20 ngày | 170.83 | -23.23% | 64.04 | -16.12% | 53.18 | -17.18% |
| Tổng GTGD (tỷ đồng) | 5,134.37 | 4.18% | 3,368.60 | 26.46% | 778.63 | -6.36% |
| GTGD khớp lệnh | 3,754.66 | 7.74% | 2,387.58 | 9.67% | 643.62 | -8.83% |
| Trung bình 20 ngày | 5,255.96 | -2.31% | 3,170.35 | 6.25% | 852.45 | -8.66% |
| | Tỷ trọng | | Tỷ trọng | | Tỷ trọng | |
| Số mã tăng | 114 | 34% | 13 | 43% | 78 | 35% |
| Số mã giảm | 163 | 49% | 16 | 53% | 96 | 42% |
| Số mã đứng giá | 58 | 17% | 1 | 3% | 52 | 23% |



Sau phiên giao dịch tăng điểm ấn tượng ngày đầu tuần, thị trường phân hóa ở những mã có vốn hóa lớn. Vào đầu phiên, nhà đầu tư thể hiện tâm lý trái chiều ở hai sàn HOSE và Hà Nội khi phần lớn thời gian giao dịch VN-Index mang sắc xanh và HNX-Index mang sắc đỏ. Càng về cuối phiên, áp lực bán tăng mạnh dần về cuối phiên khi lệnh bán dồn về nhóm cổ phiếu tăng điểm ngày hôm qua, kết phiên cả hai sàn đều giảm điểm. Nhìn chung, tâm lý thận trọng vẫn còn bao trùm tuy thanh khoản có tăng nhẹ nhưng vẫn đang duy trì ở mức thấp.

Chốt phiên, chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức 1060.45 điểm (-0.17%), KLGD khớp lệnh đạt 170.06 triệu cổ phiếu (+39.25%), tương đương 3,754.66 tỷ đồng giá trị (+7.74%).

Nhóm Thực phẩm – Đồ uống, dẫn đầu là VNM (-2.6%), KDC (-2.2%) là một trong những nguyên nhân kéo chỉ số xuống dưới mốc tham chiếu. Nhóm ngân hàng sau phiên dẫn dắt tăng điểm phiên 7/5 đã điều chỉnh trong phiên hôm nay khi các ngân hàng lớn đều giảm điểm mạnh như VPB (-2.5%), MBB (-2.2%) và VCB (-1.8%), duy nhất chỉ có BID (+2.2%) đã hỗ trợ tốt giúp thị trường không giảm sâu. Nhóm bất động sản có sự phân hóa khi NVL (+5.2%) tăng điểm ấn tượng, nhưng xu hướng của nhóm trong ngày hôm nay là giảm điểm với ASM (-5.3%), VRE (-2.1%) và VIC (-0.6%).

Khối ngoại tiếp tục thu hẹp đà bán ròng trên HOSE với giá trị đạt 160.4 tỷ đồng (-57%), tập trung vào các mã VIC (-87.4 tỷ), VCB (-48.4 tỷ) và VNM (-43.9 tỷ). Ở chiều ngược lại, nhà đầu tư nước ngoài đã mua ròng HPG (+97 tỷ), SSI (+17.5 tỷ) và BID (+16.5 tỷ).

Sàn giao dịch Hà Nội đã có một phiên giao dịch khá ảm đạm với phần lớn thời gian nằm dưới mốc tham chiếu. Kết phiên HNX-Index đóng cửa giảm tại mốc 125.33 điểm (-0.97%), KLGD khớp lệnh đạt 51.97 triệu cổ phiếu (+20.57%), tương đương 643.62 tỷ đồng giá trị (-8.66%).

Giao dịch thỏa thuận

| Mã CK | Khối lượng ('000 cp) | GTGD (tỷ đồng) |
|-------------|----------------------|----------------|
| HOSE | | |
| SSI | 13,265.8 | 481.96 |
| NVL | 3,771.1 | 203.04 |
| VPB | 2,200.0 | 131.56 |
| VJC | 320.0 | 60.19 |
| FPT | 908.0 | 54.88 |
| HPG | 800.0 | 43.60 |
| SAB | 149.8 | 34.45 |
| PVD | 2,199.7 | 34.25 |
| KBC | 2,113.4 | 29.00 |
| MBB | 805.0 | 27.72 |
| HNX | | |
| SHS | 3,098.4 | 59.37 |
| PVS | 2,304.4 | 42.54 |
| IVS | 1,360.0 | 14.01 |
| BVS | 532.9 | 10.18 |
| HJS | 247.0 | 5.56 |
| VIX | 249.8 | 1.80 |
| TKC | 38.0 | 0.95 |
| MBS | 24.0 | 0.43 |
| IDJ | 25.0 | 0.08 |
| SCL | 24.2 | 0.06 |

Nhóm ngân hàng tác động lớn đến lực giảm điểm ngày hôm nay của chỉ số HNX-Index với SHB (-2.7%) và ACB (-1.3%). Nhóm dầu khí chịu ảnh hưởng từ giá dầu giảm điểm trong ngày khi PVS (-3.7%), PLC (-2.6%), PVB (-2.4%) góp phần giữ chỉ số dưới mốc tham chiếu. Các cổ phiếu vật liệu xây dựng VHL (-2.3%), VCS (-1.8%) và VGC (-0.4%) cũng tác động tiêu cực lên sàn Hà Nội trong phiên giao dịch hôm nay. Nhóm cảng biển có phản ứng ngược lại so với phiên giao dịch hôm qua khi là nhóm cổ phiếu hỗ trợ thị trường với CAG (+9.9%), PHP (+4.4%) và DXP (+1.5%).

Khối ngoại giảm bán ròng trên sàn HNX với giá trị 31.4 tỷ đồng (-60%), chủ yếu vào các mã VGC (-27.4 tỷ), IVS (-11.9 tỷ), PMC (-3.0 tỷ). Ở chiều ngược lại, VCG (+13.1 tỷ), SHB (+3.1 tỷ) và SHS (+2.3 tỷ) được mua vào.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm trở lại. Khối lượng giao dịch gia tăng so với phiên trước đó hàm ý áp lực bán gia tăng trở lại. Không những vậy, xu hướng điều chỉnh trong ngắn hạn là vẫn còn, khi chỉ số tiếp tục đóng cửa dưới MA 20 và 50, kèm theo chỉ báo ADX đi lên vùng 31 và đường +DI nằm trên -DI phát đi tín hiệu xác nhận xu hướng điều chỉnh hiện tại. Thêm vào đó, khi quan sát kỹ trên đồ thị nến ngày, đang hình thành cây nến Doji với bóng nến trên dài phát đi tín hiệu lưỡng lực và suy yếu, trong trường hợp chỉ số đi xuống đóng cửa dưới MA5 trong những phiên tới, thì nhiều khả năng đợt phục hồi kỹ thuật vừa qua có thể sẽ kết thúc. Ngưỡng hỗ trợ gần cho chỉ số có thể là vùng 1.029 điểm (Fib 61.8). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên giảm điểm trở lại, và tiếp tục duy trì đóng cửa dưới MA 20 và 50 cho thấy áp lực điều chỉnh ngắn hạn có thể là vẫn còn, ngưỡng hỗ trợ gần nhất có thể là vùng 123.3 điểm (Fib 50). Nhìn chung, xu hướng điều chỉnh ngắn hạn của thị trường vẫn đang tiếp diễn, thị trường có thể quay trở lại thử thách các ngưỡng hỗ trợ thấp hơn. Do đó, nhà đầu tư nên cân nhắc giữ tỷ trọng danh mục ở mức hợp lý nhằm có vị thế tốt trước diễn biến hiện tại của thị trường.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| BTT | 38.6 | 0.0 | 6.9% |
| HAI | 3.7 | 2,036.0 | 6.9% |
| DAT | 14.0 | 0.0 | 6.9% |
| JVC | 3.6 | 280.1 | 6.9% |
| ROS | 83.8 | 1,108.8 | 6.9% |

Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| TIE | 8.7 | 2.0 | -7.0% |
| TDW | 22.9 | 0.0 | -6.9% |
| VID | 7.2 | 91.1 | -6.8% |
| SRF | 14.2 | 80.8 | -6.6% |
| DIC | 4.9 | 63.2 | -6.5% |

Top 5 giá trị

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| HPG | 57.0 | 267.1 | 1.8% |
| CTG | 30.4 | 248.6 | -0.2% |
| VCB | 61.0 | 181.5 | -1.8% |
| MBB | 31.5 | 167.7 | -2.2% |
| VIC | 123.9 | 156.5 | -0.6% |

Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| CTG | 30.4 | 8,128.9 | -0.2% |
| SBT | 17.5 | 6,158.9 | -3.6% |
| MBB | 31.5 | 5,258.1 | -2.2% |
| HPG | 57.0 | 4,689.1 | 1.8% |
| FLC | 5.5 | 4,543.9 | 1.5% |

HNX

Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| SPI | 2.2 | 321.8 | 10.0% |
| VNT | 27.5 | 0.5 | 10.0% |
| NDN | 18.8 | 1,056.0 | 9.9% |
| CVN | 8.9 | 201.3 | 9.9% |
| CAG | 67.9 | 0.1 | 9.9% |

Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| PXA | 0.7 | 49.1 | -12.5% |
| ACM | 0.8 | 191.9 | -11.1% |
| SCI | 6.3 | 0.1 | -10.0% |
| TKU | 11.7 | 0.6 | -10.0% |
| DNC | 31.5 | 0.7 | -10.0% |

Top 5 giá trị

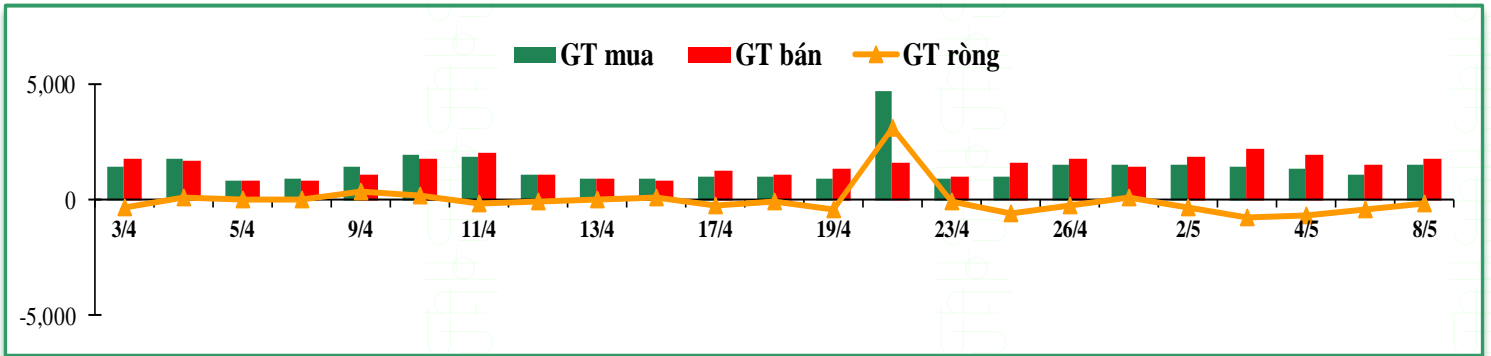
| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| ACB | 45.4 | 123.7 | -1.3% |
| VGC | 24.3 | 79.7 | -0.4% |
| SHB | 11.0 | 72.0 | -2.7% |
| PVS | 18.0 | 55.9 | -3.7% |
| TTB | 20.3 | 37.0 | -2.9% |

Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| SHB | 11.0 | 6,449.5 | -2.7% |
| DST | 4.9 | 3,899.2 | 8.9% |
| PVX | 2.0 | 3,822.7 | 5.3% |
| VGC | 24.3 | 3,253.1 | -0.4% |
| PVS | 18.0 | 3,027.8 | -3.7% |

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

| Sàn GD | GT Mua | % Thị trường | GT Bán | % Thị trường | Mua-Bán |
|----------------|----------------|--------------|----------------|--------------|---------------|
| HOSE | 1,404.4 | 37.4% | 1,564.8 | 41.7% | -160.4 |
| HNX | 145.3 | 22.6% | 176.6 | 27.4% | -31.4 |
| Tổng số | 1,549.7 | | 1,741.5 | | -191.8 |



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| SSI | 35.8 | 508.1 | -1.7% |
| HPG | 57.0 | 148.2 | 1.8% |
| VPB | 54.5 | 121.5 | -2.5% |
| VJC | 187.9 | 76.5 | 2.7% |
| MSN | 97.0 | 60.8 | 0.5% |

Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| SSI | 35.8 | 490.2 | -1.7% |
| VPB | 54.5 | 121.5 | -2.5% |
| VJC | 187.9 | 112.3 | 2.7% |
| VIC | 123.9 | 103.5 | -0.6% |
| VNM | 185.1 | 87.7 | -2.6% |

Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| HPG | 57.0 | 101.5 | 1.8% |
| SSI | 35.8 | 17.9 | -1.7% |
| BID | 35.5 | 17.0 | 2.2% |
| MSN | 97.0 | 16.3 | 0.5% |
| DXG | 33.7 | 13.0 | 0.0% |

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| SHS | 18.9 | 61.7 | -2.1% |
| PVS | 18.0 | 43.6 | -3.7% |
| VCG | 18.2 | 13.1 | -1.1% |
| BVS | 19.2 | 10.3 | 1.6% |
| VGC | 24.3 | 9.8 | -0.4% |

Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| SHS | 18.9 | 59.4 | -2.1% |
| PVS | 18.0 | 43.2 | -3.7% |
| VGC | 24.3 | 37.2 | -0.4% |
| IVS | 10.6 | 13.0 | -1.9% |
| BVS | 19.2 | 10.3 | 1.6% |

Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VCG | 18.2 | 13.1 | -1.1% |
| SHB | 11.0 | 3.1 | -2.7% |
| SHS | 18.9 | 2.3 | -2.1% |
| PVS | 18.0 | 0.5 | -3.7% |
| TTT | 61.0 | 0.2 | 0.0% |

Tin trong nước

Tín dụng 4 tháng tăng 5%, NHNN chưa có kế hoạch điều chỉnh mục tiêu

Vụ Chính sách tiền tệ cho biết tín dụng đã tăng 5% trong 4 tháng đầu năm, tương đương so với cùng kỳ năm trước. Cùng đó, tốc độ tăng trưởng của tín dụng cũng đồng đều với tốc độ tăng trưởng huy động vốn, thanh khoản ổn định.

Đặc điểm của tăng trưởng tín dụng trong hai năm trở lại đây là tăng đều từ đầu năm.

Khảo sát mức lãi suất tiền gửi tháng 5 cho thấy tiếp tục có nhiều nhà băng giảm lãi suất huy động so với tháng 3, tháng 4. Dường như các ngân hàng đang khá thành thạo không lo áp lực thu hút tiền gửi.

Sau khi hàng loạt nhà băng điều chỉnh giảm lãi suất tiết kiệm trong 2 tháng vừa rồi, mới đây lại có thêm một số ngân hàng nữa hạ lãi suất, thậm chí một số ngân hàng đã giảm trong tháng 3 lại tiếp tục giảm nữa.

Cụ thể, trong tháng 4, Techcombank đã hai lần giảm lãi suất, đặc biệt kỳ hạn 9 đến dưới 12 tháng đã giảm từ 0,3-0,5 điểm phần trăm mỗi năm so với đầu năm. Hiện lãi suất kỳ hạn 1 tháng, 2 tháng tại ngân hàng này là 4,9%/năm; Kỳ hạn 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng lần lượt là 5%, 6,1% và 6,2%; Kỳ hạn 12 tháng trở lên hưởng lãi suất 6,8% và có thể là 7% đối với gửi tiết kiệm online.

ACB cũng vừa áp dụng bảng lãi suất tiền gửi mới hiệu lực từ ngày 2/5. So với mức khảo sát hồi đầu tháng 4, lãi suất giảm nhẹ 0,1 điểm phần trăm ở kỳ hạn 1 tháng. Cụ thể, lãi suất tiền gửi kỳ hạn 1 tháng giảm 0,1 điểm phần trăm xuống còn 4,8% đối với khách hàng gửi dưới 200 triệu, 4,9% đối với khách hàng gửi từ 200 triệu đến 1 tỷ và 5% đối với khoản tiền gửi trên 1 tỷ.

Các kỳ hạn còn lại gần như không có sự thay đổi, hiện kỳ hạn 6 tháng, 9 tháng có lãi suất dao động từ 5,7 đến 5,9% tùy vào lượng tiền gửi. Các kỳ hạn 12 tháng – 24 tháng cũng giữ nguyên, trong khi ở kỳ hạn 36 tháng lại tăng 0,2 điểm phần trăm lên 6,7%/năm.

Tại VietinBank, lãi suất tại kỳ hạn 1 tháng đến 3 tháng của ngân hàng này hiện là 4,1%, giảm 0,2 điểm phần trăm so với mức khảo sát đầu tháng 4. Ở kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 6 tháng vẫn được giữ nguyên mức 4,8%/năm.

Ngoài ra, tại MB, lãi suất giảm nhẹ 0,1 điểm phần trăm ở các kỳ hạn 3 tháng, 4 tháng, 5 tháng xuống còn 5,2%. Ngân hàng Nam Á cũng điều chỉnh lãi suất tiết kiệm giảm 0,1 điểm phần trăm đối với kỳ hạn từ 6 đến 8 tháng, xuống còn 6,5%; kỳ hạn 9 tháng giảm 0,2 điểm phần trăm xuống mức 6,5%.

Trong khi các ngân hàng kể trên giảm nhẹ lãi suất tiết kiệm thì thời gian gần đây một số ngân hàng khác lại cộng thêm lãi suất cho khách hàng gửi tiền. Điển hình là HDBank kéo dài thêm chương trình cộng lãi suất tiết kiệm cho khách hàng cá nhân từ 28 tuổi trở lên gửi tiết kiệm nhận lãi cuối kỳ với thời hạn gửi 6 tháng và 13 tháng, mức cộng tối đa lên đến 0,7%/năm.

Trước HDBank, BIDV cũng từng cộng thêm lãi suất cho khách hàng gửi tiết kiệm online với mức cộng thêm lãi suất 0,3%/năm cho các kỳ hạn dưới 12 tháng, 0,1%/năm với các kỳ hạn trên 12 tháng.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Sau nới room, Kyoiei Steel đăng ký mua 33 triệu cổ phiếu VIS

Kyoiei muốn tăng sở hữu tại VIS lên 65% và sẽ có mua lại từ Thái Hưng.

Kyoiei Steel Ltd., công ty thép đến từ Nhật Bản vừa thông báo đăng ký mua vào 33,2 triệu cổ phiếu Công ty cổ phần Thép Việt Ý (HOSE: VIS) bắt đầu từ 10/5.

Hiện tại, Kyoiei nắm 14,8 triệu cp VIS; như vậy nếu mua lại thành công số cổ phần trên thì công ty Nhật Bản này sẽ nắm quyền chi phối đến 65% vốn và biến VIS thành công ty con.

Doanh thu tăng mạnh, DIG báo lãi 9 tỷ trong quý I

DIG ghi nhận doanh thu tăng trưởng 42% đạt 352 tỷ đồng.

Tổng công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (HOSE: DIG) vừa công bố báo cáo tài chính quý I với sự chuyển biến lớn về lợi nhuận.

Trong kỳ, doanh thu thuần của DIG ghi nhận 352 tỷ đồng, tăng trưởng 42%. Sau khi trừ giá vốn, lợi nhuận gộp đạt 76 tỷ đồng, cao gấp đôi cùng kỳ năm trước.

Các khoản chi phí đều có sự gia tăng như chi phí lãi vay tăng thêm 3 tỷ, chi phí bán hàng tăng 2,5 tỷ và chi phí quản lý doanh nghiệp cao hơn cùng kỳ 8 tỷ đồng.

Với những biến động chính trên, DIG báo lãi trước thuế gần 17 tỷ đồng, cải thiện mạnh so với con số lỗ 14 tỷ cùng kỳ 2017. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt hơn 9 tỷ đồng.

Bán FRT, nhóm VinaCapital mua thêm KDC

Công ty cổ phần quản lý quỹ VinaCapital vừa có báo cáo về việc trở thành cổ đông lớn tại Công ty cổ phần Tập đoàn Kido (HOSE: KDC).

Cụ thể, Liva Holdings Limited thuộc nhóm quỹ VinaCapital đã thực hiện mua vào 290.000 cổ phiếu KDC để tăng sở hữu lên 10,3 triệu cp, tương ứng tỷ lệ 5,03%.

Như vậy, nhóm quỹ VinaCapital đã tăng tỷ lệ sở hữu từ 4,97% lên 5,03% và chính thức trở thành cổ đông lớn của KDC từ ngày 2/5. Ngoài, Liva Holdings Limited thì VOF Investment Limited thuộc nhóm VinaCapital đang nắm 7 cp KDC.

Trong khi đó, nhóm VinaCapital lại thực hiện giảm sở hữu tại Công ty cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FPT Retail - HOSE: FRT). CTCP Quản lý quỹ VinaCapital đã bán ra 320.000 cổ phiếu FRT và Quỹ đầu tư Trái phiếu Bảo Thịnh VinaWealth bán 66.750 cổ phiếu. Sau giao dịch 2 quỹ này còn nắm 264.390 cổ phiếu, tỷ lệ 0,66%.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | LN dự kiến | Lỗ dự kiến | Lý Do |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|---------------------------------------|
| 1 | MBB | Chốt lời | 9/5/2018 | 31.5 | 30.3 | 4.0% | 34.0 | 28.5 | 12% | -6% | Điều chỉnh khi tiệm cận kháng cự mạnh |

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | LN dự kiến | Lỗ dự kiến | Ghi Chú |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|---------|
| 1 | VCB | Mua | 3/5/2018 | 61.0 | 59.6 | 2.3% | 70.0 | 57.8 | 17% | -3% | |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

| Mã CK | Sàn | Thị giá | Giá mục tiêu* | Ngày ra báo cáo | Lợi nhuận 2018E (tỷ) | EPS 2018E | BV 2018E | ROE 2018E | ROA 2018E | PE 2018E | PB 2018E | Cổ tức dự kiến** |
|---------------------------|-------|---------|---------------|-----------------|----------------------|-----------|----------|-----------|-----------|----------|----------|------------------|
| STK (New) | HOSE | 15,200 | 20,500 | 7/5/2018 | 135 | 1,905 | 12,940 | 15% | 6% | 11.0 | 1.6 | N/A |
| IDI (New) | HOSE | 13,850 | 15,563 | 20/4/2018 | 377 | 2,106 | 15,089 | 16% | 6% | 7.4 | 1.0 | N/A |
| PVT (New) | HOSE | 18,100 | 26,000 | 12/4/2018 | 522 | 1,856 | 13,958 | 14% | 14% | 14.0 | 1.9 | N/A |
| VHC (New) | HOSE | 58,300 | 75,798 | 29/03/2018 | 648 | 7,012 | 43,690 | 20% | 12% | 10.8 | 1.7 | 20% |
| NLG (New) | HOSE | 34,350 | 39,000 | 30/03/2018 | 584 | 3,100 | 21,210 | 9% | 21% | 12.6 | 1.8 | N/A |
| PLX (New) | HOSE | 68,200 | 92,400 | 30/03/2018 | 4,867 | 4,200 | 15,548 | 23% | 7% | 22.0 | 5.6 | N/A |
| PVD (New) | HOSE | 15,400 | 20,200 | 21/03/2018 | (272) | (710) | 33,703 | -2% | -1% | N/A | 1 | N/A |
| PNJ | HOSE | 183,100 | 176,000 | 8/2/2018 | 906 | 8,384 | 33,322 | 22% | 16% | 19 | 5 | N/A |
| DHA | HNX | 28,550 | 39,202 | 2/2/2018 | 70 | 4,612 | 28,170 | 16% | 15% | 9 | 1 | 25% |
| BMP | HOSE | 53,500 | 86,800 | 3/1/2018 | 475 | 5,808 | 33,307 | 18% | 15% | 15 | 3 | N/A |
| HPG | HOSE | 57,000 | 71,800 | 2/28/2018 | 9,089 | 6,045 | 21,047 | 28% | 17% | 12 | 2 | 30% |
| KDF | UPCOM | 42,500 | 73,000 | 1/26/2018 | 211 | 3,750 | 14,161 | 25% | 15% | 23.6 | 4.5 | N/A |
| BSR | UPCOM | 20,300 | 27,343 | 1/26/2018 | 9,253 | 2,984 | 13,168 | 24% | 14% | 15.0 | 3.4 | N/A |
| HVN | UPCOM | 38,500 | 46,300 | 1/9/2018 | 2,756 | 1,904 | 14,032 | 15% | 3% | 24.0 | 3.2 | 10% |
| HUT | HNX | 7,400 | 15,408 | 12/27/2017 | 514 | 1,926 | 16,117 | 12% | 4% | 8.0 | 1.0 | N/A |
| DBD | UPCOM | 47,000 | 61,168 | 12/28/2018 | 170 | 3,242 | 31,979 | 17% | 20% | 19.0 | 1.9 | 15% |
| PME | HOSE | 82,500 | 103,340 | 12/18/2017 | 335 | 4,669 | 32,028 | 17% | 14% | 22.0 | 3.2 | 20% |

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2018 trên mệnh giá.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 5 413 5479

Fax: (84-8) 5 413 5472

Customer Service: (84-8) 5 411 8855

Call Center: (84-8) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 5 413 5478

Fax: (84-8) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 3 820 8068

Fax: (84-8) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (84-4) 6 250 9999

Fax: (84-4) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-8) 3 813 2401

Fax: (84-8) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-4) 3 933 4566

Fax: (84-4) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-31) 384 1810

Fax: (84-31) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.